

BẢNG BÁO GIÁ 2025

Áp dụng từ ngày 01/08/2025

STT	TÊN SẢN PHẨM	KÍCH THƯỚC Ô CHỖ		ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
		RỘNG (mm)	CAO (mm)			
I. CỬA TIÊU CHUẨN						
1	Cửa cánh phẳng (S)	790	2200	bộ	4.125.600	
2	Cửa cánh phẳng (M)	910	2200	bộ	4.320.000	
3	Cửa cánh phẳng (X)	1010	2200	bộ	4.838.400	
II. KÍCH THƯỚC PHÁT SINH						
4	Cửa cánh phẳng (PS)	≤ 790	≤ 2200	bộ	4.233.600	
5	Cửa cánh phẳng (PM)	≤ 910	≤ 2200	bộ	4.449.600	
6	Cửa cánh phẳng (PX)	≤ 1010	≤ 2200	bộ	4.978.800	
7	Cửa cánh phẳng (T1)	≤ 910	≤ 2400	bộ	5.130.000	
8	Cửa cánh phẳng (T2)	≤ 910	≤ 2600	bộ	5.616.000	
9	Cửa cánh phẳng (XT1)	≤ 1010	≤ 2400	bộ	5.745.600	
10	Cửa cánh phẳng (XT2)	≤ 1010	≤ 2600	bộ	6.285.600	
III. CỬA ĐI 2 CÁNH						
11	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D1	≤ 1200	≤ 2200	bộ	5.940.000	
12	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D2	≤ 1700	≤ 2200	bộ	7.538.400	
13	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D3	≤ 1200	≤ 2400	bộ	6.760.800	
14	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D4	≤ 1700	≤ 2400	bộ	8.240.400	
IV. CÓ OFIX						
15	Cửa cánh phẳng có ofix bằng tấm panel đặc	≤ 910	≤ 2700	bộ	5.400.000	
16	Cửa cánh phẳng có ofix bằng tấm panel đặc	≤ 1010	≤ 2700	bộ	6.048.000	
15	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D5 Có ofix bằng tấm panel đặc (D5.OF)	≤ 1200	≤ 2700	bộ	7.560.000	
17	Cửa cánh phẳng đi 2 cánh D6 Có ofix bằng tấm panel đặc (D6.OF)	≤ 1700	≤ 2700	bộ	9.698.400	
V. CHI PHÍ PHÁT SINH THÊM						
18	Cửa có ô kính (Mẫu K1-K4)				302.400	
19	Cửa soi chỉ kim loại (Mẫu C1-C6)				324.000	
20	Cửa phào nổi (Mẫu PN1-PN3)				453.600	
21	Cửa ô chớp (Mẫu CH1-CH4)				540.000	
22	Cửa phay huỳnh (Mẫu H1-H6)				799.200	
22	Cửa phay huỳnh sâu (Mẫu HD1-HD4)				1.080.000	
18	Cửa ô ofix có ofix là panel kính (So với giá panel)				199.800	
19	Cửa ô ofix có ôfix chớp (So với giá panel)				243.000	
20	Cửa ô ofix có ofix toàn kính (So với giá PM)	≤ 910	≤ 2700		367.200	Đối với ofix 2 cánh, giá sẽ nhân 2
21	Cửa ô ofix có ofix toàn kính (So với giá PX)	≤ 1010	≤ 2700		399.600	
*) Đối với cửa đi 2 cánh, chi phí phát sinh tính cho cánh chính, cánh phụ là cánh trơn.						

*) Đối với cửa đi 2 cánh, chi phí phát sinh tính cho cánh chính, cánh phụ là cánh trơn.

22	Khuôn đơn 90	CD90		md	118.800	
23	Khuôn đơn 125	CD125		md	118.800	
24	Khuôn kép 200	CK2		md	232.200	
25	Khuôn kép 230	CK3		md	278.640	
26	Nẹp cửa 32x63mm	N32		md	51.840	
27	Nẹp 50x63mm	N50		md	62.640	
28	Nẹp 32x80mm	N80		md	81.000	
29	Nẹp chặn cho cửa đi 2 cánh	N03		md	45.360	
30	Bộ cửa			Cái	8.000	

B, CHI PHÍ KHÁC

1	Phay ổ khóa (Bao gồm cả công phay khóa)			bộ	35.640	
2	Phay ổ khóa chốt âm			bộ	35.640	

*) Lưu ý:

1. Báo giá theo bộ trên là giá dành cho khuôn đơn và nẹp 32x63mm.
 Nếu sử dụng khuôn đơn và nẹp 50x63mm thì cộng thêm 115.560 vnd/bộ
 Nếu sử dụng khuôn đơn và nẹp 32x80mm thì cộng thêm 309.096 vnd/bộ

2. Đối với khuôn kép 200 cộng thêm 610.200 vnd/ bộ
 Đối với khuôn kép 230 cộng thêm 732.240 vnd/ bộ

3. Đối với cửa có mã Film FP cộng thêm 216.000 vnd/ bộ.

4. Đối với cửa ốp thêm tấm inox bản to cộng thêm 864.000 vnd/bộ

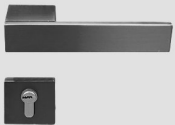
5. Cửa ofix có ofix bằng tấm panel (đặc) mã: OF1.
 Cửa ofix có ofix chớp mã: OF3
 Cửa ofix có ofix bằng tấm panel kính mã: OF4
 Đối với cửa có Ofix toàn kính mã OF2. (Phần giá cộng thêm ở mục 19,20) không bao gồm kính. Lệnh sản xuất ghi rõ kích thước chiều cao và rộng của cánh chính, phần ofix chỉ xuất khuôn, nẹp theo kích thước ô chờ.

6. Đối với cửa đi 2 cánh có ofix, mã cửa sẽ là D5.OF?, D6.OF?. OF vẫn theo quy tắc ở mục 5

Bảng báo giá trên đã bao gồm thuế VAT 8%, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt. Đối với mẫu cửa có kích thước phi tiêu chuẩn và có yêu cầu họa tiết hoa văn đặc biệt theo yêu cầu của khách hàng, xin liên hệ với chúng tôi để được báo giá tốt nhất.

BÁO GIÁ KHÓA VÀ PHỤ KIỆN

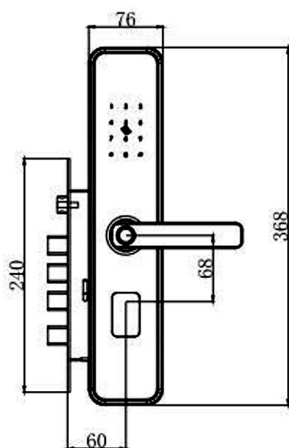
(Áp dụng từ 10/11/2025)

K01	K01S	K02	K03	K6
				
594.000đ	594.000đ	594.000đ	810.000đ	1.026.000đ
K7	K8	K9	K10	K11
				
1.026.000đ	1.026.000đ	1.026.000đ	1.026.000đ	2.484.000đ
K12	K13	K14	K15	K16
				
2.484.000đ	1.954.800đ	1.954.800đ	1.188.000đ	1.188.000đ
K18	K19	BL02	C01	
				
1.026.000đ	1.210.000đ	48.600đ	108.000đ	

Công pay ổ khóa: **35.640đ/bộ**

Công pay ổ khóa chốt âm: **35.640đ/bộ**

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 8%, chưa bao gồm chi phí vận chuyển & lắp đặt.



Black



Khóa Smart Bluetooth cao cấp

KSM1

~~3.963.000đ~~ **2.860.000đ**

Giá đã bao gồm thuế VAT 8%, chưa bao gồm chi phí vận chuyển & lắp đặt.



Bluetooth



Vân tay



Mã số



Thẻ từ



Chìa cơ



App điều khiển

Tính năng

Chất liệu	Inox 304, hợp kim, nhựa...
Cách mở khóa	App Wishome, vân tay, mật khẩu, chìa cơ
Cảm biến	Cảm biến vân tay sinh học
Chất liệu chốt khóa	Inox 304
Độ dày cửa	35 mm - 70 mm
Ứng dụng	Biệt thự, căn hộ, trường học, văn phòng...

Thông số kỹ thuật

Cảm biến vân tay	Thời gian thu thập < 1s
Tỉ lệ sai số (FAR)	< 0,00001 %
Tỉ lệ sai số (FRR)	< 0,01 %
Dung lượng	Tối đa 899 người dùng: 100 vân tay
Nhiệt độ hoạt động	-10°C đến 65°C
Dòng điện chờ	< 85μA
Dòng điện hoạt động	< 250mA
Nguồn cấp điện	6V (04 pin AA)
Tuổi thọ pin	Lên đến 5000 lần mở khóa

Tính năng thêm

Hướng mở cửa có thể đảo ngược
Lắp đặt, bảo trì dễ dàng

Khóa Smart Bluetooth KSM1 của Nhựa Việt Pháp sở hữu thiết kế hiện đại, tối giản, tập trung vào sự bền bỉ và chất lượng vượt trội. Với những linh kiện cao cấp, sản phẩm đảm bảo hoạt động ổn định và lâu dài, mang đến trải nghiệm an toàn và tiện lợi cho người sử dụng. Đặc biệt, khóa tích hợp nhiều tính năng thông minh nhưng vẫn giữ được sự đơn giản, dễ dàng sử dụng, không gây rườm rà hay gặp phải những lỗi khó chịu.